

PHỤ LỤC
BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG
ĐỘNG CƠ ĐIỆN PHÒNG NỔ

(Cơ quan quản lý cấp trên)
(Tên tổ chức KD)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....,ngày.....tháng.....năm 20...

BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG
ĐỘNG CƠ ĐIỆN PHÒNG NỔ

Số:	
-----	-------

Chúng tôi gồm:

- | | |
|----|--------------------------|
| 1. | Số hiệu kiểm định viên : |
| 2. | Số hiệu kiểm định viên: |

Thuộc:

Số Giấy chứng nhận đủ điều kiện của tổ chức kiểm định:

Đã tiến hành kiểm định kỹ thuật an toàn thiết bị:

Đơn vị sử dụng:

Địa chỉ (trụ sở chính):

Địa chỉ (vị trí) lắp đặt:

Quy trình kiểm định áp dụng:

Chứng kiến kiểm định và thông qua biên bản:

- | | |
|----|----------|
| 1. | Chức vụ: |
| 2. | Chức vụ: |

I. THÔNG SỐ CƠ BẢN CỦA ĐỘNG CƠ ĐIỆN PHÒNG NỔ

- | | |
|----------------------------------|----------------------|
| - Loại, mã hiệu: | Công suất (kW) |
| - Số chế tạo: | Điện áp (V) |
| - Năm chế tạo: | Dòng điện (A) |
| - Nhà chế tạo: | Dạng bảo vệ nổ |
| - Ngày kiểm định gần nhất: | |

II. HÌNH THỨC KIỂM ĐỊNH

+ Lần đầu: ☐ + Định kỳ: ☐ + Bất thường: ☐

Lý do kiểm định bất thường:

III. NỘI DUNG KIỂM ĐỊNH

1. Kiểm tra hồ sơ:

- Nhận xét:

- Đánh giá kết quả: Đạt: ☐ Không đạt: ☐

2. Kiểm tra trực quan:

TT	Hạng mục	Yêu cầu	Kiểm tra	Kết quả
1	Tình trạng bên ngoài	Nguyên vẹn, đầy đủ các bộ phận		
2	Bu lông bắt chặt	Đầy đủ, có các bộ phận chống tự rơi lỏng, có vòng chống tháo (trừ M24 trở lên)		
3	Ống luồn cáp lực	Vòng đệm kín khí		
4	Ống luồn cáp điều khiển	Vòng đệm kín khí		
5	Bu lông tiếp địa	Có đủ		

- Nhận xét:

3. Kiểm tra thông số kỹ thuật

TT	Hạng mục	Yêu cầu	Kiểm tra	Kết quả
1	Mối ghép nắp với hộp đấu cáp mạch lực			
1.1	Chiều rộng nhỏ nhất mối ghép (mm)			
1.2	Khe hở lớn nhất mối ghép (mm)			
1.3	Chiều rộng nhỏ nhất từ trong đến lỗ bu lông (mm)			
2	Mối ghép nắp với hộp đấu cáp mạch điều khiển			
2.1	Chiều rộng nhỏ nhất mối ghép (mm)			
2.2	Khe hở lớn nhất mối ghép (mm)			

2.3	Chiều rộng nhỏ nhất từ trong đến lỗ bu lông (mm)			
3	Mối ghép hộp đầu cấp mạch lực với thân động cơ			
3.1	Chiều rộng nhỏ nhất mối ghép (mm)			
3.2	Khe hở lớn nhất mối ghép (mm)			
3.3	Chiều rộng nhỏ nhất từ trong đến lỗ bu lông (mm)			
4	Mối ghép hộp đầu cấp mạch điều khiển với thân động cơ			
4.1	Chiều rộng nhỏ nhất mối ghép (mm)			
4.2	Khe hở lớn nhất mối ghép (mm)			
4.3	Chiều rộng nhỏ nhất từ trong đến lỗ bu lông (mm)			
5	Mối ghép bằng ren của sứ xuyên mạch lực M.....			
5.1	Chiều dài ren (mm)			
6	Mối ghép bằng ren của sứ xuyên mạch điều khiển M.....			
6.1	Chiều dài ren (mm)			
7	Mối ghép cọc đầu cấp với sứ xuyên mạch lực			
7.1	Chiều rộng nhỏ nhất mối ghép (mm)			
7.2	Khe hở lớn nhất mối ghép (mm)			
8	Mối ghép sứ xuyên mạch lực với vỏ hộp đầu cấp mạch lực			
8.1	Chiều rộng nhỏ nhất mối ghép (mm)			
8.2	Khe hở lớn nhất mối ghép (mm)			
9	Mối ghép cọc đầu cấp với sứ xuyên mạch điều khiển			
9.1	Chiều rộng nhỏ nhất mối ghép (mm)			

9.2	Khe hở lớn nhất mỗi ghép (mm)			
10	Mối ghép sứ xuyên mạch điều khiển với vỏ hộp đấu cáp mạch điều khiển			
10.1	Chiều rộng nhỏ nhất mỗi ghép (mm)			
10.2	Khe hở lớn nhất mỗi ghép (mm)			
11	Mômen xoắn cọc đầu dây (N.m)			
11.1	Cọc đầu dây mạch lực M...			
11.2	Cọc dây mạch điều khiển M...			
12	Vòng đệm làm kín cáp mạch lực			
12.1	Chiều rộng vòng đệm (mm)			
12.2	Đường kính trong (mm)			
13	Vòng đệm làm kín cáp mạch điều khiển			
13.1	Chiều rộng vòng đệm (mm)			
13.2	Đường kính trong (mm)			
14	Mối ghép phòng nổ trục quay của động cơ			
14.1	Chiều rộng mối ghép (mm)			
14.2	Khe hở lớn nhất của mối ghép (mm)			
15	Mối ghép của bộ phận bơm mỡ bôi trơn			
15.1	Chiều rộng mối ghép (mm)			
15.2	Khe hở lớn nhất của mối ghép (mm)			
16	Khe hở nhỏ nhất giữa hai phần mang điện mạch lực (mm)			
17	Khe hở nhỏ nhất giữa phần mang điện mạch lực với vỏ (mm)			
18	Khoảng cách rò giữa phần mang điện mạch lực với vỏ (mm)			

19	Khe hở nhỏ nhất giữa hai phần mang điện mạch điều khiển (mm)			
20	Khe hở nhỏ nhất giữa phần mang điện mạch điều khiển với vỏ (mm)			
21	Khoảng cách rò giữa phần mang điện mạch điều khiển với vỏ (mm)			

Ghi chú: Các hạng mục thực hiện trên có thể thay đổi tùy theo các thiết bị được kiểm định cụ thể.

- Nhận xét:

4. Kết luận chung và kiến nghị

- Thiết bị được kiểm định có kết quả: Đạt: ☐ Không đạt: ☐
- Đã được dán tem kiểm định số:
- Kiến nghị điều kiện sử dụng an toàn:
- Kiến nghị khác:

V. THỜI HẠN KIỂM ĐỊNH TIẾP THEO

- Thời gian kiểm định tiếp theo:

Chúng tôi, những kiểm định viên thực hiện kiểm định hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với kết quả kiểm định ghi trong biên bản này./.

CHỦ CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký, ghi rõ họ, tên)

KIỂM ĐỊNH VIÊN
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Nguồn: Thông tư 10/2017/TT-BCT